Phụ lục I

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN
TỔ TIẾNG ANH -TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TIẾNG ANH

(Năm học 2026 - 2027)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 21 **; Số học sinh:** …….. **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:** 00

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 5**; Trình độ đào tạo**: Đại học: 03 Trên đại học: 02

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [1]: Tốt: 05; Khá: 00; Đạt: 00; Chưa đạt: 00

3. Thiết bị dạy học: *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
2	Record-player	4	Các tiết dạy nghe, Các tài liệu giáo viên cần bổ trợ	
3	Bảng phụ	Cụ thể từng lớp		
4	Laptop	1		
5	Tivi	…..		

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng học tin học	2	Sử dụng dạy các bài học trên máy tính	Không có phòng chuyên TA

[1] Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

II. Kế hoạch dạy học[2]

1. Phân phối chương trình

KHỐI 10

STT/ TIẾT	Bài học (1)		Tiết (2)	Tuần (3)	Yêu cầu cần đạt (4)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt (5)
1	Introduction of English 10		1	1	Helps Ss to know the overview of English 10	
2	**UNIT 1 FAMILY LIFE**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • pronounce the consonant blends /br/, /kr/, and /tr/ correctly in isolation and in sentences; • understand and use words and phrases related to family life; • use the present simple to talk about something that happens regularly in the present, and the present continuous to talk about activities happening at the moment of speaking; • read for specific information in a text about the benefits of doing housework for children; • explain why children should or shouldn't do housework; • listen for specific information in a talk show about family life; • write about family routines; • express opinions; • understand family values in the UK; • do research on Family Day in Viet Nam or other countries and give a group presentation about it.	**1.1NC1a:** Xác định được nhu cầu thông tin (tìm kiếm hình ảnh, từ vựng về gia đình).
3		Language	1 tiết			**5.3NC1a:** Sử dụng các công cụ và công nghệ số khác nhau để tạo ra kiến thức (tra từ điển online/app phát âm).
4		Reading	1 tiết	2		**1.1NC1b:** Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin (bài đọc về công việc nhà).
5		Speaking	1 tiết			**2.1NC1a:** Sử dụng được nhiều công nghệ số để tương tác (ghi âm, thảo luận nhóm online).
6		Listening	1 tiết			**1.2NC1a:** Thực hiện đánh giá được độ tin cậy của các nguồn dữ liệu (thông tin trong bài nghe).
7		Writing	1 tiết	3		**3.1NC1a:** Áp dụng được các cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng khác nhau (soạn thảo văn bản).
8		Communication and Culture/CLIL	1 tiết			**2.5NC1a:** Áp dụng được các chuẩn mực hành vi và bí quyết khác nhau khi giao tiếp văn hóa.
9		Looking back & Project	1 tiết			**2.4NC1a:** Đề xuất được các công cụ số cho quá trình hợp tác nhóm. **3.1NC1b:** Chỉ ra được những cách thể

[2] Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

						hiện bản thân qua nội dung số.
10	**UNIT 2 HUMANS & THE ENVIRONMENT**	Getting started	1 tiết	4	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce the consonant blends /kl/, /pl/, /gr/, and /pr/ correctly in isolation and in sentences; • understand and use words and phrases related to human activities and the environment; • use will and be going to to talk about the future; • use the passive voice; • read for main ideas and specific information in a text about green living; • talk about ways to live green; • listen for specific information in an announcement about a green event; • write about ways to improve the environment; • ask for and give advice; • understand what a carbon footprint is; • plan activities for a Go Green Weekend event and give a group presentation about the event.	**1.1NC1a:** Xác định được nhu cầu thông tin về môi trường.
11		Language	1 tiết			**5.3NC1a:** Sử dụng công cụ số hỗ trợ học tập ngữ pháp/phát âm.
12		Reading	1 tiết			**1.2NC1b:** Tiến hành đánh giá được các dữ liệu, thông tin về lối sống xanh.
13		Speaking	1 tiết	5		**2.2NC1a:** Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua nhiều công cụ (thảo luận giải pháp xanh).
14		Listening	1 tiết			**1.1NC1d:** Tự đề xuất được chiến lược tìm kiếm thông tin bổ sung cho chủ đề sự kiện xanh.
15		Writing	1 tiết			**3.3NC1a:** Áp dụng được các quy định khác nhau về bản quyền (khi trích dẫn số liệu môi trường).
16		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	6		**2.5NC1b:** Áp dụng được các chiến lược giao tiếp khác nhau trong môi trường số (chủ đề Carbon footprint).
17		Looking back & Project	1 tiết			**3.2NC1a:** Làm việc với các mục nội dung mới, sửa đổi và tích hợp (tạo kế hoạch sự kiện).
18	**UNIT 3 MUSIC**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • pronounce two-syllable words with correct stress; • understand and use words and phrases related to music; • use conjunctions to make compound sentences; • use to-infinitives and bare infinitives after some verbs; • read for specific information in a text about a famous TV music show;	**1.1NC1c:** Chỉ cho người khác cách truy cập những dữ liệu âm nhạc số.
19		Language	1 tiết	7		**5.3NC1a:** Ứng dụng công nghệ để luyện tập cấu trúc câu.
20		Reading	1 tiết			**1.1NC1b:** Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm thông tin về chương trình âm nhạc.
21		Speaking	1 tiết			**2.1NC1b:** Cho người khác thấy phương tiện giao tiếp số phù hợp nhất để thảo luận.
22		Listening	1 tiết	8		**1.2NC1a:** Đánh giá thông tin từ bài phỏng vấn trên môi trường số.

23		Writing	1 tiết		• talk about a TV music show; • listen for gist and specific information in an interview about a music festival; • write a blog about an experiencesat a music event; • make and respond to suggestions; • identify chau van singing; • do research on a form of traditional music in Viet Nam or another country and give a group presentation about it.	**3.1NC1a:** Tạo và chỉnh sửa nội dung blog cá nhân trên nền tảng số.
24		Communication and Culture/CLIL	1 tiết			**2.6NC1a:** Tạo và quản lý được danh tính số (profile âm nhạc/nghệ thuật).
25		Looking back & Project	1 tiết	9		**5.3NC1b:** Áp dụng xử lý nhận thức của cá nhân và tập thể để giải quyết các vấn đề sáng tạo.
26	**REVIEW 1**	Language	1 tiết		Review 1 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 1-3. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	**5.4NC1a:** Chứng minh được NLS của tôi cần được cải thiện hoặc cập nhật ở đâu (tự đánh giá).
27		Skills	1 tiết			**5.4NC1a:** Chứng minh được NLS của tôi cần được cải thiện hoặc cập nhật ở đâu (tự đánh giá).
28	**REVIEW & MID-TERM TEST**		3 tiết	10	Knowledge: • To revise the language and skills Ss have learnt in Units 1, 2, 3. • To evaluate the knowledge students have achieved in unit 1, 2, 3. Skills: • Improve students' skills of using language through the test.	**3.1NC1b:** Chỉ ra được những cách thể hiện bản thân qua kỹ năng tổng hợp.
29,30						**4.2NC1a:** Áp dụng được các cách thức khác nhau để bảo vệ dữ liệu cá nhân (trong kiểm tra).
31	**Feedback and correction**		1 tiết	11	Knowledge: • To correct the mistakes and errors students have made in the test. Skills: • Improve students' skills of using language.	**5.4NC1c:** Đề xuất các cơ hội khác nhau để phát triển bản thân (sau khi biết kết quả).
32	**UNIT 4 FOR A BETTER COMMUNITY**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • pronounce two-syllable words with the same spelling with correct stress; • understand and use words and phrases	**1.1NC1a:** Tìm kiếm được dữ liệu về các hoạt động cộng đồng.
33		Language	1 tiết			**5.3NC1a:** Sử dụng công cụ số học từ vựng (flashcards online).
34		Reading	1 tiết	12		**1.2NC1a:** Đánh giá độ tin cậy của các

					related to community development; adjective suffixes: -ed vs. -ing; -ful vs. -less; • use the past simple and past continuous with when and while; • read for main ideas and specific information in a text about a volunteer club; • talk about the benefits of volunteering activities; • listen for specific information in an announcement for volunteers; • write an application letter for volunteer work; • express feelings; • identify factual information about the Save the Children organisation and its activities to help Viet Nam; • do research on a volunteer project in their community and give a group 38presentation about it.	nguồn tin về hoạt động tình nguyện.
35		Speaking	1 tiết			**2.3NC1a:** Đề xuất được các dịch vụ số khác nhau để tham gia vào xã hội (nền tảng từ thiện).
36		Listening	1 tiết			**1.3NC1a:** Tổ chức, lưu trữ thông tin nghe được từ thông báo.
37		Writing	1 tiết	13		**3.1NC1a:** Tạo văn bản đơn xin tình nguyện (định dạng email/file word).
38		Communication and Culture/CLIL	1 tiết			**2.3NC1b:** Sử dụng được các công nghệ số thích hợp để tự mình trang bị và tham gia xã hội.
39		Looking back & Project	1 tiết			**2.4NC1a:** Hợp tác thông qua công cụ số để lên kế hoạch dự án cộng đồng.
40	**UNIT 5 INVENTIONS**	Getting started	1 tiết	14	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce common three-syllable nouns with correct stress; • understand and use words and phrases related to inventions; • use the present perfect, gerunds, and to-infinitives correctly; • read for main ideas and specific information in a text about an invention; • talk about inventions and their uses; • listen to instructions on how to use an invention for specific information; • write about the benefits of an invention; • make and respond to requests; • understand computer hardware;	**6.1NC1a:** Phân tích được cách AI/công nghệ hoạt động trong các ứng dụng cụ thể.
41		Language	1 tiết			**5.3NC1a:** Ứng dụng công nghệ hỗ trợ học tập.
42		Reading	1 tiết			**1.1NC1b:** Tìm kiếm thông tin chi tiết về các phát minh.
43		Speaking	1 tiết	15		**6.1NC1b:** So sánh được các hệ thống AI/công nghệ khác nhau (trong thảo luận về công dụng).
44		Listening	1 tiết			**1.2NC1b:** Tiến hành đánh giá thông tin hướng dẫn sử dụng thiết bị.
45		Writing	1 tiết			**3.1NC1a:** Soạn thảo bài viết về lợi ích phát minh trên thiết bị số.
46		Communication	1 tiết	16		**6.2NC1a:** Phát triển được các ứng

		and Culture/CLIL			• collect information about an existing invention for the classroom or creat a new one and give a group presentation about it.	dụng AI tùy chỉnh/hiểu về ứng dụng thực tế.
47		Looking back & Project	1 tiết			**5.3NC1b:** Áp dụng xử lý nhận thức cá nhân để thiết kế phát minh mới.
48	**REVIEW 2**	Language	1 tiết		Review 2 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 4 - 5. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	**5.4NC1b:** Minh họa được những cách khác nhau để hỗ trợ người khác phát triển NLS.
49		Skills (1)	1 tiết	17		**1.3NC1b:** Triển khai được việc tổ chức và sắp xếp dữ liệu ôn tập.
50		Skills (2)	1 tiết			**3.1NC1a:** Tổng hợp kỹ năng tạo nội dung số qua các bài tập.
51	**REVISION**	Revision for end-of term test	1 tiết		Knowledge: • Review what they have learnt in Unit 1, 2, 3, 4, 5: Vocabulary and Grammar. Skills: • Test students' language skills: Reading, Speaking, Listening, Writing.	**5.4NC1a:** Tự đánh giá năng lực và kiến thức cần cải thiện
52	**END-TERM TEST**		2 tiết	18	Knowledge: • To revise the language and skills Ss have learnt in Units 1-5. • To evaluate the knowledge students have achieved in unit 1, 2, 3, 4, 5. Skills: • Improve students' skills of using language through the test.	**3.1NC1b:** Chỉ ra được những cách thể hiện bản thân qua kỹ năng tổng hợp.
53						**4.2NC1b:** Áp dụng được các cách thức đặc thù để chia sẻ dữ liệu cá nhân (quy chế thi).
54	**Feedback and correction**		1 tiết		Knowledge: • To correct the mistakes and errors students have made in the test. Skills: • Improve students' skills of using language.	**5.4NC1c:** Đề xuất các cơ hội khác nhau để phát triển bản thân (sau khi biết kết quả).
55	**UNIT 6 GENDER EQUALITY**	Getting started	1 tiết	19	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce three-syllable adjectives and verbs with correct stress; • understand and use words and phrases	**2.5NC1c:** Áp dụng được các khía cạnh đa dạng về văn hóa và thế hệ khác (về giới).
56		Language	1 tiết			**5.3NC1a:** Sử dụng công cụ số tra cứu thông tin ngôn ngữ.

57		Reading	1 tiết		related to gender equality; • use the passive voice with modals; • read for specific information in a text about gender equality; • talk about career choices; • listen for specific information in a talk about the first woman in space; • write about jobs for men and women. • express agreement and disagreement; • learn about women's football; • do a survey on students' future jobs and report survey results.	**1.2NC1a:** Đánh giá độ tin cậy của thông tin bình đẳng giới trên mạng.
58		Speaking	1 tiết	20		**2.5NC1b:** Áp dụng các chiến lược giao tiếp tôn trọng trong môi trường số.
59		Listening	1 tiết			**1.1NC1a:** Xác định nhu cầu thông tin từ bài nghe về nhân vật lịch sử.
60		Writing	1 tiết			**3.1NC1a:** Tạo nội dung văn bản nghị luận xã hội số.
61		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	21		**2.2NC1a:** Chia sẻ thông tin về bóng đá nữ qua công nghệ phù hợp.
62		Looking back & Project	1 tiết			**3.3NC1a:** Áp dụng quy định bản quyền khi sử dụng số liệu khảo sát.
63	**UNIT 7 VIETNAM & INTERNATIONAL ORGANIZATIONS**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • pronounce words with more than three syllables with correct stress; • understand and use words and phrases related to international organisations; • use comparative and superlative adjectives; • read for specific information in a text about UNICEF's support for Viet Nam's education; • talk about programmes for communities; • listen for specific information in a conversation about Viet Nam's participation in international organisations; • write about Viet Nam's participation in international organisations; • make and respond to invitations; • learn about FAO and its activities to support Viet Nam; • do research on an international	**1.1NC1b:** Kỹ thuật tìm kiếm thông tin về các tổ chức quốc tế.
64		Language	1 tiết	22		**5.3NC1a:** Ứng dụng công nghệ học thuật ngữ chuyên ngành.
65		Reading	1 tiết			**1.2NC1b:** Đánh giá, so sánh thông tin từ các nguồn quốc tế (UNICEF).
66		Speaking	1 tiết			**2.1NC1a:** Tương tác thông qua công nghệ số (mô phỏng diễn đàn).
67		Listening	1 tiết	23		**1.1NC1a:** Tìm kiếm dữ liệu liên quan để bổ trợ bài nghe.
68		Writing	1 tiết			**3.1NC1a:** Tạo và chỉnh sửa văn bản giới thiệu Việt Nam.
69		Communication and Culture/CLIL	1 tiết			**2.6NC1c:** Sử dụng dữ liệu tạo ra thông qua công cụ để xây dựng hồ sơ công dân toàn cầu.
70		Looking back & Project	1 tiết	24		**5.3NC1b:** Sử dụng các công cụ số để tạo ra kiến thức mới (bài thuyết trình về tổ chức).

					organisation and give a group presentation about it.	
71	**UNIT 8 NEW WAYS TO LEARN**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • identify and use sentence stress appropriately; • understand and use words and phrases related to different ways of learning; • understand and use defining and non-defining relative clauses with who, that, which, and whose; • read for main ideas and specific information in a text about online and face-to-face learning; • talk about the advantages and disadvantages of online learning; • listen to instructions on how to prepare for a blended learning class for specific information; • write about the benefits of blended learning; • give instructions; • learn about modern schools; • do a survey to find out how students use electronic devices to learn and report 79survey results in a group presentation.	**5.2NC1a:** Đánh giá được nhu cầu cá nhân về học tập số.
72		Language	1 tiết			**4.1NC1a:** Áp dụng được các cách khác nhau để bảo vệ thiết bị và nội dung số.
73		Reading	1 tiết	25		**1.1NC1d:** Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm tài liệu học tập online vs offline.
74		Speaking	1 tiết			**2.1NC1b:** Cho người khác thấy phương tiện giao tiếp số phù hợp nhất (lớp học ảo).
75		Listening	1 tiết			**5.2NC1b:** Áp dụng được các công cụ số khác nhau và các giải pháp công nghệ (Blended learning).
76		Writing	1 tiết	26		**3.1NC1a:** Tạo nội dung số về lợi ích của học tập trực tuyến.
77		Communication and Culture/CLIL	1 tiết			**5.2NC1c:** Sử dụng được các cách khác nhau để điều chỉnh môi trường số cá nhân (Modern schools).
78		Looking back & Project	1 tiết			**5.3NC1a:** Sử dụng các công cụ và công nghệ số để đổi mới quy trình học tập.
79	**REVIEW 3**	Language	1 tiết	27	Review 3 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 6 – 8. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	**5.4NC1a:** Xác định NLS cần cải thiện qua bài ôn tập.
80		Skills	1 tiết			**1.3NC1b:** Sắp xếp dữ liệu ôn tập hiệu quả.
81	**REVIEW & MID-TERM TEST**		1 tiết		Knowledge: • To revise the language and skills Ss have learnt in Units 6-8	**3.1NC1b:** Thể hiện bản thân qua bài viết/nói tổng hợp.
82			1 tiết	28		**4.2NC1a:** Bảo vệ dữ liệu cá nhân

					• To evaluate the knowledge students have achieved in unit 6, 7, 8. Skills: • Improve students' skills of using language through the test.	trong kiểm tra đánh giá.
83	**Feedback and correction**		1 tiết		Knowledge: • To correct the mistakes and errors students have made in the test. Skills: • Improve students' skills of using language.	**5.4NC1c:** Đề xuất các cơ hội khác nhau để phát triển bản thân (sau khi biết kết quả).
84	**UNIT 9 PROTECTING THE ENVIRONMENT**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • use sentence stress appropriately to speak with a natural rhythm; • understand and use words and phrases related to the environment and ways to protect it; • use reported speech. • read for main ideas and specific information in a text about environmental problems; • talk about environmental solutions; • listen for specific information in a conversation about ways to protect endangered animals; • write about a wildlife organisation; • make and respond to apologies; • learn about Earth Hour; • do research on a local or an international environmental organisation and give a group presentation about it.	**4.4NC1a:** Trình bày được các cách thức khác nhau để bảo vệ môi trường (kết hợp công nghệ).
85		Language	1 tiết	29		**5.3NC1a:** Sử dụng công cụ số hỗ trợ luyện tập câu tường thuật.
86		Reading	1 tiết			**1.2NC1b:** Đánh giá tính xác thực của thông tin vấn đề môi trường.
87		Speaking	1 tiết			**2.2NC1a:** Chia sẻ thông tin giải pháp môi trường qua công nghệ số phù hợp.
88		Listening	1 tiết	30		**1.1NC1a:** Tìm kiếm và lọc dữ liệu từ bài nghe bảo vệ động vật.
89		Writing	1 tiết			**3.1NC1a:** Soạn thảo văn bản số giới thiệu tổ chức bảo vệ động vật.
90		Communication and Culture/CLIL	1 tiết			**2.3NC1a:** Tham gia vào xã hội thông qua các dịch vụ số (chiến dịch Giờ Trái Đất online).
91		Looking back & Project	1 tiết	31		**3.2NC1a:** Tích hợp thông tin, tạo sản phẩm truyền thông môi trường.
92	**UNIT 10 ECOTOURISM**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • identify intonation patterns and use appropriate intonation (i.e. rising or	**1.1NC1b:** Kỹ thuật tìm kiếm tour du lịch sinh thái.
93		Language	1 tiết			**5.3NC1a:** Ứng dụng app học tập ngữ pháp (câu điều kiện).

94		Reading	1 tiết	32	falling tone); • understand and use words and phrases related to ecotourism; • use conditional sentences Type 1 and Type 2 correctly; • read for specific information in a brochure about ecotours; • talk about how to become an ecotourist; • listen for specific information in a tour guide speech welcoming ecotourists in the Mekong Delta; • write a website advertisement for an ecotour; • ask for and give advice; • understand the differences between types of tourism and their impact on the environment; • design an ecotour to a local attraction and give a group presentation about it.	**1.2NC1a:** Đánh giá các thông tin trong brochure du lịch số.
95		Speaking	1 tiết			**2.5NC1a:** Nhận thức chuẩn mực hành vi khi đi du lịch (chia sẻ trên mạng).
96		Listening	1 tiết			**1.1NC1c:** Truy cập dữ liệu về địa điểm du lịch qua nghe hiểu.
97		Writing	1 tiết	33		**3.1NC1a:** Viết quảng cáo tour/blog du lịch (kỹ năng tạo web content).
98		Communication and Culture/CLIL	1 tiết			**4.4NC1a:** Nhận thức tác động của việc sử dụng công nghệ số đối với môi trường du lịch.
99		Looking back & Project	1 tiết			**5.3NC1b:** Sáng tạo sản phẩm quảng bá du lịch (video/poster số).
100	**REVIEW 4**	Language	1 tiết	34	Review 4 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 9-10. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	**5.4NC1a:** Đánh giá sự tiến bộ NLS cuối kỳ.
101		Skills (1)	1 tiết			**1.3NC1b:** Tổ chức dữ liệu tổng hợp.
102		Skills (2)	1 tiết			**3.1NC1b:** Thể hiện bản thân qua sản phẩm cuối khóa.
103	**END-TERM TEST**		2 tiết	35	Knowledge: • To revise the language and skills Ss have learnt in Units 6-10. • To evaluate the knowledge students have achieved in unit 6, 7, 8, 9, 10. Skills: • Improve students' skills of using language through the test.	**5.4NC1b:** Minh họa cách hỗ trợ bạn bè ôn tập qua công cụ số.
104						**4.2NC1b:** Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong kỳ thi.
105	**Feedback and correction**		1 tiết		Knowledge: • To correct the mistakes and errors	**5.4NC1c:** Đề xuất cơ hội phát triển bản thân cho năm học tới.

				students have made in the test. Skills: • Improve students' skills of using language.	

KHỐI 11

STT/ TIẾT	Bài học (1)		Số tiết (2)	Tuần (3)	Yêu cầu cần đạt (4)	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt (5)
1	Introduction of English 11		1 tiết	1	Helps Ss to know the overview of English 11	
2	**UNIT 1** **A LONG & HEALTHY LIFE**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • pronounce the consonant blends /br/, /kr/, and /tr/ correctly in isolation and in sentences; • understand and use words and phrases related to family life; • use the present simple to talk about something that happens regularly in the present, and the present continuous to talk about activities happening at the moment of speaking; • read for specific information in a text about the benefits of doing housework for children; • explain why children should or shouldn't do housework; • listen for specific information in a talk show about family life;	**1.1NC1a:** Xác định được nhu cầu thông tin (tìm kiếm từ vựng, hình ảnh về sức khỏe).
3		Language	1 tiết			**5.3NC1a:** Sử dụng các công cụ và công nghệ số để tạo ra kiến thức (app từ điển, phát âm).
4		Reading	1 tiết	2		**1.1NC1b:** Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin sức khỏe trực tuyến.
5		Speaking	1 tiết			**2.1NC1a:** Sử dụng được nhiều công nghệ số để tương tác (ghi âm, video call luyện tập).
6		Listening	1 tiết			**1.2NC1a:** Thực hiện đánh giá được độ tin cậy của nguồn tin (khi nghe thông tin sức khỏe).
7		Writing	1 tiết	3		**2.5NC1b:** Áp dụng được các chiến lược giao tiếp khác nhau trong môi

					• write about family routines; • express opinions; • understand family values in the UK; • do research on Family Day in Viet Nam or other countries and give a group presentation about it.	trường số (nhắn tin/email).
8		Communication and Culture/CLIL	1 tiết			**5.3NC1b:** Áp dụng xử lý nhận thức của cá nhân để giải quyết các vấn đề (phân biệt vi khuẩn/virus qua mô phỏng số).
9		Looking back & Project	1 tiết			**3.1NC1a:** Tạo và chỉnh sửa được nội dung số (thiết kế Poster điện tử). **2.4NC1a:** Sử dụng công cụ số để hợp tác nhóm.
10	**UNIT 2** **THE GENERATION GAP**	Getting started	1 tiết	4	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce the consonant blends /kl/, /pl/, /gr/, and /pr/ correctly in isolation and in sentences; • understand and use words and phrases related to human activities and the environment; • use will and be going to to talk about the future; • use the passive voice; • read for main ideas and specific information in a text about green living; • talk about ways to live green; • listen for specific information in an announcement about a green event; • write about ways to improve the environment;	**1.1NC1a:** Xác định nhu cầu thông tin về sự khác biệt thế hệ.
11		Language	1 tiết			**5.3NC1a:** Sử dụng công cụ số hỗ trợ học ngữ pháp.
12		Reading	1 tiết			**1.2NC1b:** Tiến hành đánh giá, so sánh thông tin các thế hệ từ nhiều nguồn.
13		Speaking	1 tiết	5		**2.5NC1c:** Áp dụng được các khía cạnh đa dạng về văn hóa và thế hệ khác (giao tiếp số tôn trọng người lớn tuổi).
14		Listening	1 tiết			**1.3NC1a:** Tổ chức, lưu trữ thông tin nghe được trên thiết bị số.
15		Writing	1 tiết			**4.3NC1a:** Tránh được rủi ro đến sức khỏe thể chất/tinh thần (chủ đề Screen time - thời gian sử dụng thiết bị).

16		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	6	• ask for and give advice; • understand what a carbon footprint is; • plan activities for a Go Green Weekend event and give a group presentation about the event.	**2.6NC1a:** Tạo và quản lý danh tính số phù hợp văn hóa gia đình Á Đông.
17		Looking back & Project	1 tiết			**1.3NC1b:** Triển khai được việc tổ chức và sắp xếp dữ liệu (kết quả khảo sát Online). **3.1NC1b:** Thể hiện bản thân qua bài trình chiếu số.
18	**UNIT 3** **CITIES OF THE FUTURE**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • pronounce two-syllable words with correct stress; • understand and use words and phrases related to music; • use conjunctions to make compound sentences; • use to-infinitives and bare infinitives after some verbs; • read for specific information in a text about a famous TV music show; • talk about a TV music show; • listen for gist and specific information in an interview about a music festival; • write a blog about an experiencesat a music event; • make and respond to suggestions; • identify chau van singing; • do research on a form of traditional music in Viet Nam or another country	**6.1NC1a:** Hiểu được cách AI/công nghệ ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày (Smart City).
19		Language	1 tiết	7		**5.3NC1a:** Sử dụng app luyện phát âm nối âm.
20		Reading	1 tiết			**6.1NC1b:** Hiểu vai trò của AI/IoT trong các thành phố thông minh qua bài đọc.
21		Speaking	1 tiết			**2.1NC1b:** Cho người khác thấy phương tiện giao tiếp số phù hợp nhất để thảo luận.
22		Listening	1 tiết	8		**4.2NC1a:** Nhận thức về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư (rủi ro trong Smart City).
23		Writing	1 tiết			**3.1NC1a:** Soạn thảo văn bản số về ưu/nhược điểm công nghệ.
24		Communication and Culture/CLIL	1 tiết			**6.2NC1a:** Phát triển/đề xuất ý tưởng ứng dụng công nghệ thực tế.

25		Looking back & Project	1 tiết	9	and give a group presentation about it.	**5.3NC1b:** Sử dụng công cụ số sáng tạo Poster thành phố tương lai. **3.3NC1a:** Áp dụng quy định bản quyền hình ảnh.
26	**REVIEW 1**	Language	1 tiết		Review 1 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 1-3. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	**5.4NC1a:** Chứng minh được NLS của tôi cần được cải thiện hoặc cập nhật ở đâu (Tự đánh giá).
27		Skills	1 tiết			**1.3NC1b:** Sắp xếp dữ liệu ôn tập trên máy tính.
28	**REVIEW & MID-TERM TEST**		3 tiết	10	Knowledge: • To revise the language and skills Ss have learnt in Units 1, 2, 3. • To evaluate the knowledge students have achieved in unit 1, 2, 3. Skills: • Improve students' skills of using language through the test.	**3.1NC1b:** Chỉ ra được những cách thể hiện bản thân qua kỹ năng tổng hợp.
29,30						**4.2NC1b:** Áp dụng quy tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân trong kiểm tra đánh giá.
31	**Feedback and correction**		1 tiết	11	Knowledge: • To correct the mistakes and errors students have made in the test. Skills: • Improve students' skills of using language.	**5.4NC1c:** Đề xuất các cơ hội khác nhau để phát triển bản thân (sau khi biết kết quả).
32	**UNIT 4** **ASEAN & VIETNAM**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • pronounce two-syllable words with the same spelling with correct stress;	**1.1NC1b:** Kỹ thuật tìm kiếm thông tin về các quốc gia ASEAN.
33		Language	1 tiết			**5.3NC1a:** Tra cứu thông tin ngôn ngữ online.

34		Reading	1 tiết		• understand and use words and phrases related to community development; adjective suffixes: -ed vs. -ing; -ful vs. -less; • use the past simple and past continuous with when and while; • read for main ideas and specific information in a text about a volunteer club; • talk about the benefits of volunteering activities; • listen for specific information in an announcement for volunteers; • write an application letter for volunteer work; • express feelings; • identify factual information about the Save the Children organisation and its activities to help Viet Nam; • do research on a volunteer project in their community and give a group 38presentation about it.	**1.2NC1a:** Đánh giá độ tin cậy của các bản tin online.
35		Speaking	1 tiết			**2.3NC1a:** Đề xuất được các dịch vụ số để tham gia vào xã hội (Chương trình thanh niên ASEAN).
36		Listening	1 tiết	12		**1.1NC1c:** Truy cập dữ liệu về chương trình học bổng/du lịch.
37		Writing	1 tiết	13		**3.1NC1a:** Tạo và chỉnh sửa bản đề xuất (Proposal) trên máy tính.
38		Communication and Culture/CLIL	1 tiết			**2.5NC1a:** Nhận thức chuẩn mực hành vi văn hóa các nước (Netiquette).
39		Looking back & Project	1 tiết			**1.1NC1d:** Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm thông tin nghiên cứu. **3.2NC1a:** Tích hợp thông tin đa phương tiện vào bài thuyết trình.
40	**UNIT 5** **GLOBAL WARMING**	Getting started	1 tiết	14	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce common three-syllable nouns with correct stress; • understand and use words and phrases related to inventions; • use the present perfect, gerunds, and to-infinitives correctly; • read for main ideas and specific information in a text about an invention;	**4.4NC1a:** Nhận thức được tác động của công nghệ số và việc sử dụng công nghệ số đối với môi trường.
41		Language	1 tiết			**5.3NC1a:** Ứng dụng công nghệ học ngữ điệu.
42		Reading	1 tiết			**1.2NC1b:** Kiểm chứng thông tin khoa học về khí hậu trên mạng.
43		Speaking	1 tiết			**2.2NC1a:** Chia sẻ thông tin môi

					• talk about inventions and their uses; • listen to instructions on how to use an invention for specific information; • write about the benefits of an invention; • make and respond to requests; • understand computer hardware; • collect information about an existing invention for the classroom or creat a new one and give a group presentation about it.	trường thông qua công nghệ số phù hợp.
44		Listening	1 tiết	15		**1.1NC1a:** Lọc dữ liệu nghe được.
45		Writing	1 tiết			**3.1NC1a:** Thiết kế tờ rơi (Leaflet) điện tử.
46		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	16		**5.2NC1b:** Áp dụng giải pháp công nghệ trong nông nghiệp (Smart farming ideas).
47		Looking back & Project	1 tiết			**1.3NC1b:** Phân tích và trực quan hóa dữ liệu khảo sát (Biểu đồ số). **2.4NC1a:** Hợp tác nhóm online.
48	**REVIEW 2**	Language	1 tiết		Review 2 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 4 - 5. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	**5.4NC1b:** Minh họa được những cách khác nhau để hỗ trợ bạn bè ôn tập qua công cụ số.
49		Skills (1)	1 tiết	17		**1.3NC1a:** Tổ chức dữ liệu kiến thức tổng hợp.
50		Skills (2)	1 tiết			**3.1NC1b:** Thể hiện năng lực qua sản phẩm số.
51	**REVISION**	Revision for end-of term test	1 tiết		Knowledge: • Review what they have learnt in Unit 1, 2, 3, 4, 5: Vocabulary and Grammar. Skills: • Test students' language skills: Reading, Speaking, Listening, Writing.	**5.4NC1a:** Tự đánh giá và lên kế hoạch ôn tập số.
52	**END-TERM TEST**		2 tiết		Knowledge: • To revise the language and skills Ss have learnt in Units 1-5. • To evaluate the knowledge students	**3.1NC1b:** Chỉ ra được những cách thể hiện bản thân qua kỹ năng tổng hợp.

53				18	have achieved in unit 1, 2, 3, 4, 5. Skills: • Improve students' skills of using language through the test.	**4.2NC1a:** Bảo vệ thông tin cá nhân trong kỳ thi.
54	**Feedback and correction**		1 tiết		Knowledge: • To correct the mistakes and errors students have made in the test. Skills: • Improve students' skills of using language.	**5.4NC1c:** Đề xuất cơ hội phát triển bản thân từ kết quả thi.
55	**UNIT 6** **PRESERVING OUR HERITAGE**	Getting started	1 tiết	19	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce three-syllable adjectives and verbs with correct stress; • understand and use words and phrases related to gender equality; • use the passive voice with modals; • read for specific information in a text about gender equality; • talk about career choices; • listen for specific information in a talk about the first woman in space; • write about jobs for men and women. • express agreement and disagreement; • learn about women's football; • do a survey on students' future jobs and report survey results.	**1.1NC1a:** Tìm kiếm thông tin, hình ảnh di sản văn hóa.
56		Language	1 tiết			**5.3NC1a:** Sử dụng từ điển số/app học tập.
57		Reading	1 tiết			**1.2NC1a:** Đánh giá tính xác thực của thông tin cuộc thi online.
58		Speaking	1 tiết	20		**2.2NC1b:** Hướng dẫn người khác cách đóng vai trò trung gian chia sẻ di sản (Social media sharing).
59		Listening	1 tiết			**2.6NC1c:** Sử dụng dữ liệu tạo ra thông qua công cụ (Tour ảo/Virtual tour).
60		Writing	1 tiết			**3.1NC1a:** Tạo nội dung số (tờ rơi/bài viết) quảng bá di sản.
61		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	21		**2.1NC1a:** Tương tác với các sáng kiến bảo tồn toàn cầu qua web.
62		Looking back &	1 tiết			**3.3NC1a:** Áp dụng quy định về bản

		Project				quyền hình ảnh di sản. **5.3NC1b:** Sáng tạo giải pháp bảo tồn bằng công nghệ.
63	**UNIT 7** **EDUCATION OPTIONS FOR SCHOOL LEAVERS**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • pronounce words with more than three syllables with correct stress; • understand and use words and phrases related to international organisations; • use comparative and superlative adjectives; • read for specific information in a text about UNICEF's support for Viet Nam's education; • talk about programmes for communities; • listen for specific information in a conversation about Viet Nam's participation in international organisations; • write about Viet Nam's participation in international organisations; • make and respond to invitations; • learn about FAO and its activities to support Viet Nam; • do research on an international organisation and give a group presentation about it.	**1.1NC1b:** Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm thông tin khóa học/trường học.
64		Language	1 tiết	22		**5.3NC1a:** Công cụ hỗ trợ ngữ pháp/từ vựng.
65		Reading	1 tiết			**1.2NC1b:** So sánh và đánh giá thông tin các lựa chọn học tập online.
66		Speaking	1 tiết			**2.1NC1b:** Chọn phương tiện giao tiếp số phù hợp để tư vấn/thảo luận.
67		Listening	1 tiết	23		**1.1NC1d:** Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm thêm thông tin khóa học.
68		Writing	1 tiết			**2.5NC1b:** Áp dụng chiến lược giao tiếp trong email trang trọng (hỏi thông tin).
69		Communication and Culture/CLIL	1 tiết			**1.2NC1a:** Tìm hiểu hệ thống giáo dục quốc tế qua nguồn chính thống.
70		Looking back & Project	1 tiết	24		**1.3NC1b:** Tổ chức thông tin nghiên cứu. **3.1NC1b:** Thể hiện kết quả nghiên cứu qua Slide/Video.
71	**UNIT 8** **BECOMING**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • identify and use sentence stress	**5.2NC1a:** Đánh giá nhu cầu cá nhân về kỹ năng sống (qua trắc nghiệm số/app).

72	**INDEPENDENT**	Language	1 tiết		appropriately; • understand and use words and phrases related to different ways of learning; • understand and use defining and non-defining relative clauses with who, that, which, and whose; • read for main ideas and specific information in a text about online and face-to-face learning; • talk about the advantages and disadvantages of online learning; • listen to instructions on how to prepare for a blended learning class for specific information; • write about the benefits of blended learning; • give instructions; • learn about modern schools; • do a survey to find out how students use electronic devices to learn and report 79survey results in a group presentation.	**5.3NC1a:** Sử dụng công cụ số để tự học.
73		Reading	1 tiết	25		**1.1NC1b:** Tìm kiếm hướng dẫn kỹ năng sống online.
74		Speaking	1 tiết			**3.4NC1a:** Tự thao tác được bằng các hướng dẫn (Tutorials/How-to videos).
75		Listening	1 tiết			**5.2NC1c:** Sử dụng các cách khác nhau để điều chỉnh môi trường số cá nhân (để tự học hiệu quả).
76		Writing	1 tiết	26		**3.2NC1a:** Tổng hợp thông tin, viết bài về tự học (Self-study).
77		Communication and Culture/CLIL	1 tiết			**2.5NC1c:** Hiểu sự khác biệt văn hóa về sự tự lập.
78		Looking back & Project	1 tiết			**5.3NC1b:** Tạo kế hoạch phát triển bản thân bằng công cụ số (Lịch/Planner app).
79	**REVIEW 3**	Language	1 tiết	27	Review 3 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 6 – 8. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	**5.4NC1a:** Đánh giá lỗ hổng kiến thức qua bài ôn tập.
80		Skills	1 tiết			**1.3NC1b:** Hệ thống hóa dữ liệu ôn tập.
81	**REVIEW & MID-TERM TEST**		2 tiết		Knowledge: • To revise the language and skills Ss	**3.1NC1b:** Thể hiện bản thân qua bài viết/nói tổng hợp.

82				28	have learnt in Units 6-8 • To evaluate the knowledge students have achieved in unit 6, 7, 8. Skills: • Improve students' skills of using language through the test.	**4.2NC1b:** Bảo mật thông tin trong kiểm tra.
83	**Feedback and correction**		1 tiết		Knowledge: • To correct the mistakes and errors students have made in the test. Skills: • Improve students' skills of using language.	**5.4NC1c:** Đề xuất các cơ hội khác nhau để phát triển bản thân (sau khi biết kết quả).
84	**UNIT 9** **SOCIAL ISSUES**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • use sentence stress appropriately to speak with a natural rhythm; • understand and use words and phrases related to the environment and ways to protect it; • use reported speech. • read for main ideas and specific information in a text about environmental problems; • talk about environmental solutions; • listen for specific information in a conversation about ways to protect endangered animals; • write about a wildlife organisation; • make and respond to apologies; • learn about Earth Hour; • do research on a local or an international environmental	**2.5NC1a:** Nhận thức các chuẩn mực hành vi trên mạng (Cyberbullying awareness).
85		Language	1 tiết	29		**5.3NC1a:** Sử dụng công nghệ hỗ trợ học tập.
86		Reading	1 tiết			**1.2NC1a:** Đánh giá thông tin về áp lực đồng trang lứa trên MXH.
87		Speaking	1 tiết			**4.3NC1b:** Áp dụng các cách thức khác nhau để bảo vệ bản thân (trước áp lực mạng).
88		Listening	1 tiết	30		**4.3NC1a:** Tránh được rủi ro và đe dọa đến sức khỏe tinh thần (Bắt nạt trực tuyến).
89		Writing	1 tiết			**3.1NC1a:** Soạn thảo đề xuất chiến dịch chống bắt nạt qua mạng.
90		Communication and Culture/CLIL	1 tiết			**2.3NC1b:** Sử dụng công nghệ số thích hợp để tham gia giải quyết vấn

					organisation and give a group presentation about it.	đề xã hội.
91		Looking back & Project	1 tiết	31		**2.2NC1c:** Hướng dẫn người khác cách đóng vai trò trung gian (tuyên truyền viên). **2.4NC1a:** Hợp tác số trong chiến dịch.
92	**UNIT 10** **THE ECOSYSTEM**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • identify intonation patterns and use appropriate intonation (i.e. rising or falling tone); • understand and use words and phrases related to ecotourism; • use conditional sentences Type 1 and Type 2 correctly; • read for specific information in a brochure about ecotours; • talk about how to become an ecotourist; • listen for specific information in a tour guide speech welcoming ecotourists in the Mekong Delta; • write a website advertisement for an ecotour; • ask for and give advice; • understand the differences between types of tourism and their impact on the environment; • design an ecotour to a local attraction and give a group presentation about it.	**4.4NC1a:** Trình bày được các cách thức khác nhau để bảo vệ môi trường (kết hợp công nghệ).
93		Language	1 tiết			**5.3NC1a:** Tra cứu thuật ngữ sinh học online.
94		Reading	1 tiết	32		**1.1NC1b:** Tìm kiếm dữ liệu về hệ sinh thái/vườn quốc gia.
95		Speaking	1 tiết			**2.2NC1a:** Chia sẻ ý tưởng bảo vệ môi trường qua công cụ số.
96		Listening	1 tiết			**1.2NC1b:** Đánh giá thông tin về tác động của con người.
97		Writing	1 tiết	33		**3.1NC1a:** Soạn thảo văn bản nghị luận số.
98		Communication and Culture/CLIL	1 tiết			**6.1NC1a:** Hiểu ứng dụng công nghệ trong bảo tồn hệ sinh thái.
99		Looking back & Project	1 tiết			**3.1NC1a:** Thiết kế Poster điện tử. **3.3NC1a:** Tuân thủ bản quyền hình ảnh thiên nhiên.

100	**REVIEW 4**	Language	1 tiết	34	Review 4 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 9-10. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	**5.4NC1a:** Tự đánh giá năng lực cuối kỳ.
101		Skills (1)	1 tiết			**1.3NC1b:** Sắp xếp dữ liệu tổng hợp.
102		Skills (2)	1 tiết			**3.1NC1b:** Thể hiện năng lực qua bài tập tổng hợp.
103	**END-TERM TEST**		2 tiết	35	Knowledge: • To revise the language and skills Ss have learnt in Units 6-10. • To evaluate the knowledge students have achieved in unit 6, 7, 8, 9, 10. Skills: • Improve students' skills of using language through the test.	**5.4NC1b:** Hỗ trợ bạn bè ôn tập qua nhóm học tập online.
104						**4.2NC1b:** Tuân thủ quy tắc bảo mật dữ liệu thi.
105	**Feedback and correction**		1 tiết		Knowledge: • To correct the mistakes and errors students have made in the test. Skills: • Improve students' skills of using language.	**5.4NC1c:** Lên kế hoạch cải thiện NLS và tiếng Anh cho kỳ sau.

KHỐI 12

STT/ TIẾT	**Bài học (1)**		**Số tiết (2)**	**Tuần (3)**	**Yêu cầu cần đạt (4)**	**Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt (5)**
1	Introduction of English 12		1 tiết	1	Helps Ss to know the overview of English 12	
2	**UNIT 1 LIFE STORIES WE**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to:	**1.1NC1a:** Xác định được nhu cầu thông tin (tìm kiếm hình ảnh, tư liệu

	ADMIRE				• pronounce the consonant blends /br/, /kr/, and /tr/ correctly in	về nhân vật nổi tiếng).
3		Language	1 tiết		isolation and in sentences; • understand and use words and phrases related to family life;	**5.3NC1a:** Sử dụng các công cụ số (từ điển online, app phát âm) để tra cứu phiên âm và nghĩa từ vựng.
4		Reading	1 tiết	2	• use the present simple to talk about something that happens regularly in the present, and the present continuous to talk about	**1.1NC1b:** Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm để lấy dữ liệu bổ sung về tiểu sử nhân vật (Steve Jobs).
5		Speaking	1 tiết		activities happening at the moment of speaking; • read for specific information in a text about the benefits of doing	**2.2NC1b:** Hướng dẫn người khác đóng vai trò trung gian để chia sẻ câu chuyện về nhân vật lịch sử qua công cụ số.
6		Listening	1 tiết		housework for children; • explain why children should or shouldn't do housework;	**1.2NC1a:** Đánh giá độ tin cậy của nguồn tin khi nghe về tiểu sử Walt Disney.
7		Writing	1 tiết	3	• listen for specific information in a talk show about family life; • write about family routines; • express opinions;	**3.3NC1a:** Áp dụng các quy định về bản quyền khi tổng hợp thông tin viết tiểu sử.
8		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		• understand family values in the UK; • do research on Family Day in Viet Nam or other countries and give a group presentation about it.	**2.5NC1c:** Áp dụng các khía cạnh đa dạng về văn hóa và thế hệ khác (khi tìm hiểu về các nữ hoàng thế giới).
9		Looking back & Project	1 tiết			**3.1NC1b:** Chỉ ra được những cách thể hiện bản thân thông qua việc tạo ra nội dung số (Thiết kế câu chuyện trực quan - Visual Story).
10	**UNIT 2** **A**	Getting started	1 tiết	4	By the end of this unit, students will be able to:	**1.1NC1a:** Xác định nhu cầu thông tin về sự đa dạng văn hóa.

11	**MULTICUTURAL WORLD**	Language	1 tiết		• pronounce the consonant blends /kl/, /pl/, /gr/, and /pr/ correctly in isolation and in sentences; • understand and use words and phrases related to human activities and the environment; • use will and be going to to talk about the future; • use the passive voice; • read for main ideas and specific information in a text about green living; • talk about ways to live green; • listen for specific information in an announcement about a green event; • write about ways to improve the environment; • ask for and give advice; • understand what a carbon footprint is; • plan activities for a Go Green Weekend event and give a group presentation about the event.	**5.3NC1a:** Sử dụng công cụ số hỗ trợ học ngữ pháp (mạo từ).
12		Reading	1 tiết			**2.5NC1b:** Nhận thức các chuẩn mực hành vi khi tiếp cận thông tin về toàn cầu hóa trên mạng.
13		Speaking	1 tiết	5		**2.4NC1a:** Đề xuất công cụ số để hợp tác lên kế hoạch cho Ngày hội đa dạng văn hóa.
14		Listening	1 tiết			**1.2NC1b:** Đánh giá quan điểm/thái độ từ các nguồn dữ liệu nghe (về lễ hội Halloween).
15		Writing	1 tiết			**3.1NC1a:** Soạn thảo văn bản số (bài luận) về tác động của lễ hội.
16		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	6		**2.5NC1a:** Nhận thức được các chuẩn mực hành vi và kiến thức khi tương tác đa văn hóa (Culture shock).
17		Looking back & Project	1 tiết			**1.1NC1d:** Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm thông tin văn hóa các nước. **3.2NC1a:** Tích hợp thông tin đa phương tiện vào bài thuyết trình nhóm.
18	**UNIT 3** **GREEN LIVING**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • pronounce two-syllable words with correct stress; • understand and use words and phrases	**4.4NC1a:** Nhận thức tác động của công nghệ số và sử dụng công nghệ số đối với môi trường (Green living).
19		Language	1 tiết	7		**5.3NC1a:** Sử dụng ứng dụng học tập để luyện phát âm.

20		Reading	1 tiết		related to music; • use conjunctions to make compound sentences; • use to-infinitives and bare infinitives after some verbs; • read for specific information in a text about a famous TV music show; • talk about a TV music show; • listen for gist and specific information in an interview about a music festival; • write a blog about an experiencesat a music event; • make and respond to suggestions; • identify chau van singing; • do research on a form of traditional music in Viet Nam or another country and give a group presentation about it.	**1.3NC1a:** Tổ chức, lưu trữ thông tin về môi trường từ email/bài đọc.
21		Speaking	1 tiết			**2.1NC1a:** Tương tác thông qua các công nghệ số để thảo luận giải pháp xanh.
22		Listening	1 tiết	8		**1.1NC1c:** Chỉ cho người khác cách truy cập dữ liệu hướng dẫn (làm phân hữu cơ).
23		Writing	1 tiết			**3.1NC1a:** Tạo và chỉnh sửa báo cáo giải pháp trên phần mềm soạn thảo.
24		Communication and Culture/CLIL	1 tiết			**5.1NC1b:** Xác định các vấn đề kỹ thuật/môi trường khi vận hành thiết bị số (liên hệ rác thải điện tử nếu có).
25		Looking back & Project	1 tiết	9		**3.1NC1b:** Thiết kế tờ rơi điện tử (Leaflet) để thể hiện ý tưởng sống xanh. **5.3NC1b:** Sáng tạo sản phẩm truyền thông số.
26	**REVIEW 1**	Language	1 tiết		Review 1 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 1-3. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	**5.4NC1a:** Chứng minh được NLS của tôi cần được cải thiện hoặc cập nhật ở đâu (Tự đánh giá qua ôn tập).
27		Skills	1 tiết			**1.3NC1b:** Triển khai việc tổ chức và sắp xếp dữ liệu ôn tập trên máy tính/đám mây.
28	**REVIEW & MID-TERM TEST**		2 tiết	10	Knowledge: • To revise the language and skills Ss have learnt in Units 1, 2, 3. • To evaluate the knowledge students	**3.1NC1b:** Chỉ ra được những cách thể hiện bản thân qua kỹ năng tổng hợp.

29,30					have achieved in unit 1, 2, 3. Skills: • Improve students' skills of using language through the test.	**4.2NC1a:** Áp dụng được các cách thức khác nhau để bảo vệ dữ liệu cá nhân (trong kiểm tra).
31	**Feedback and correction**		1 tiết	11	Knowledge: • To correct the mistakes and errors students have made in the test. Skills: • Improve students' skills of using language.	**5.4NC1c:** Đề xuất các cơ hội khác nhau để phát triển bản thân (sau khi biết kết quả).
32	**UNIT 4 URBANISATION**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • pronounce two-syllable words with the same spelling with correct stress; • understand and use words and phrases related to community development; adjective suffixes: -ed vs. -ing; -ful vs. -less; • use the past simple and past continuous with when and while; • read for main ideas and specific information in a text about a volunteer club; • talk about the benefits of volunteering activities; • listen for specific information in an announcement for volunteers; • write an application letter for volunteer work; • express feelings; • identify factual information about the Save the Children organisation and its	**1.1NC1a:** Tìm kiếm dữ liệu hình ảnh/bản đồ số về đô thị hóa.
33		Language	1 tiết			**5.3NC1a:** Sử dụng công cụ số để tra cứu ngữ pháp nâng cao.
34		Reading	1 tiết	12		**1.2NC1b:** So sánh thông tin đô thị hóa từ bài đọc với thực tế trên bản đồ số (Google Maps).
35		Speaking	1 tiết			**2.2NC1a:** Chia sẻ thông tin thay đổi nơi sống qua hình ảnh/video số.
36		Listening	1 tiết			**1.1NC1b:** Lọc dữ liệu nghe được để nắm bắt xu hướng.
37		Writing	1 tiết	13		**3.1NC1a:** Tạo nội dung số mô tả biểu đồ (Excel/Word).
38		Communication and Culture/CLIL	1 tiết			**2.3NC1a:** Tìm kiếm đề xuất các dịch vụ số công cộng tại các đô thị hiện đại.
39		Looking back & Project	1 tiết			**1.1NC1d:** Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm thông tin về một khu đô thị.

					activities to help Viet Nam; • do research on a volunteer project in their community and give a group 38presentation about it.	**2.4NC1a:** Hợp tác nhóm thiết kế bài trình chiếu.
40	**UNIT 5** **THE WORLD OF WORK**	Getting started	1 tiết	14	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce common three-syllable nouns with correct stress; • understand and use words and phrases related to inventions; • use the present perfect, gerunds, and to-infinitives correctly; • read for main ideas and specific information in a text about an invention; • talk about inventions and their uses; • listen to instructions on how to use an invention for specific information; • write about the benefits of an invention; • make and respond to requests; • understand computer hardware; • collect information about an existing invention for the classroom or creat a new one and give a group presentation about it.	**1.1NC1a:** Tìm kiếm thông tin việc làm trên các nền tảng số.
41		Language	1 tiết			**5.3NC1a:** Ứng dụng công nghệ hỗ trợ học từ vựng chuyên ngành.
42		Reading	1 tiết			**1.2NC1a:** Đánh giá độ tin cậy của các quảng cáo tuyển dụng trực tuyến.
43		Speaking	1 tiết	15		**2.1NC1b:** Lựa chọn phương tiện giao tiếp số phù hợp cho phỏng vấn/trao đổi công việc.
44		Listening	1 tiết			**1.3NC1a:** Lưu trữ thông tin tuyển dụng quan trọng.
45		Writing	1 tiết			**3.1NC1a:** Soạn thảo thư xin việc định dạng chuẩn qua email/file mềm.
46		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	16		**2.6NC1a:** Quản lý danh tính số chuyên nghiệp (liên hệ LinkedIn/Profile xin việc).
47		Looking back & Project	1 tiết			**5.2NC1a:** Đánh giá nhu cầu cá nhân để tìm kiếm việc làm thêm phù hợp trên mạng.
48	**REVIEW 2**	Language	1 tiết		Review 2 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 4 - 5. Introduce the review by	**5.4NC1b:** Minh họa được những cách khác nhau để hỗ trợ bạn bè ôn tập (qua nhóm chat/drive).

49		Skills (1)	1 tiết	17	asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	**1.3NC1b:** Sắp xếp dữ liệu kỹ năng nghe/đọc đã học.
50		Skills (2)	1 tiết			**3.1NC1b:** Thể hiện sự tiến bộ qua bài viết tổng hợp.
51	**REVISION**	Revision for end-of term test	1 tiết		Knowledge: • Review what they have learnt in Unit 1, 2, 3, 4, 5: Vocabulary and Grammar. Skills: • Test students' language skills: Reading, Speaking, Listening, Writing.	**5.4NC1a:** Tự đánh giá năng lực kiến thức chuẩn bị thi.
52	**END-TERM TEST**		2 tiết	18	Knowledge: • To revise the language and skills Ss have learnt in Units 1-5. • To evaluate the knowledge students have achieved in unit 1, 2, 3, 4, 5. Skills: • Improve students' skills of using language through the test.	**5.4NC1a:** Tự đánh giá năng lực kiến thức chuẩn bị thi.
53						**4.2NC1b:** Bảo vệ dữ liệu cá nhân và tuân thủ quy chế thi.
54	**Feedback and correction**		1 tiết		Knowledge: • To correct the mistakes and errors students have made in the test. Skills: • Improve students' skills of using language.	**5.4NC1c:** Đề xuất cơ hội phát triển bản thân từ kết quả thi.
55	**UNIT 6** **ARTIFICIAL INTELLIGENCE**	Getting started	1 tiết	19	By the end of this unit, students will be able to: • pronounce three-syllable adjectives and verbs with correct stress; • understand and use words and phrases related to gender equality;	**6.1NC1a:** Hiểu được cách AI ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày (Giáo dục, Robot).
56		Language	1 tiết			**5.3NC1a:** Sử dụng công cụ số/AI hỗ trợ học tập (ChatGPT, Grammarly... làm ví dụ).

57		Reading	1 tiết		• use the passive voice with modals; • read for specific information in a text about gender equality; • talk about career choices; • listen for specific information in a talk about the first woman in space; • write about jobs for men and women. • express agreement and disagreement; • learn about women's football; • do a survey on students' future jobs and report survey results.	**6.1NC1a:** Phân tích vai trò của AI trong các ứng dụng giáo dục qua bài đọc.
58		Speaking	1 tiết	20		**6.1NC1b:** So sánh các hệ thống AI khác nhau và cách chúng xử lý dữ liệu (khi thảo luận).
59		Listening	1 tiết			**6.2NC1a:** Hiểu rõ ứng dụng thực tế của AI (Robot gia đình).
60		Writing	1 tiết			**3.1NC1a:** Soạn thảo văn bản số về ưu/nhược điểm công nghệ.
61		Communication and Culture/CLIL	1 tiết	21		**6.3NC1a:** Đánh giá và lọc được thông tin về lịch sử phát triển Robot.
62		Looking back & Project	1 tiết			**6.2NC1b:** Đề xuất ý tưởng ứng dụng AI giải quyết vấn đề thực tế. **5.3NC1b:** Sáng tạo thiết kế ứng dụng mới.
63	**UNIT 7** **THE WORLD OF MASS MEDIA**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • pronounce words with more than three syllables with correct stress; • understand and use words and phrases related to international organisations; • use comparative and superlative adjectives; • read for specific information in a text about UNICEF's support for Viet Nam's education;	**1.2NC1a:** Đánh giá độ tin cậy của các nguồn thông tin đại chúng.
64		Language	1 tiết	22		**5.3NC1a:** Tra cứu thuật ngữ truyền thông.
65		Reading	1 tiết			**1.2NC1b:** Phân tích, so sánh tin cậy giữa truyền thông số và truyền thống.
66		Speaking	1 tiết			**2.5NC1b:** Áp dụng chiến lược giao tiếp/phản hồi thông tin trên mạng xã hội.

67		Listening	1 tiết	23	• talk about programmes for communities; • listen for specific information in a conversation about Viet Nam's participation in international organisations; • write about Viet Nam's participation in international organisations; • make and respond to invitations; • learn about FAO and its activities to support Viet Nam; • do research on an international organisation and give a group presentation about it.	**1.2NC1a:** Thực hiện đánh giá độ tin cậy, nhận biết tin giả (Fake news).
68		Writing	1 tiết			**3.1NC1a:** Tạo nội dung số mô tả dữ liệu (biểu đồ tròn).
69		Communication and Culture/CLIL	1 tiết			**2.3NC1b:** Sử dụng công nghệ số thích hợp để tiếp cận thông tin toàn cầu.
70		Looking back & Project	1 tiết	24		**1.2NC1b:** Tiến hành đánh giá, so sánh dữ liệu từ các loại hình truyền thông. **2.4NC1a:** Hợp tác trình bày so sánh.
71	**UNIT 8** **WILDLIFE CONSERVATION**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • identify and use sentence stress appropriately; • understand and use words and phrases related to different ways of learning; • understand and use defining and non-defining relative clauses with who, that, which, and whose; • read for main ideas and specific information in a text about online and face-to-face learning; • talk about the advantages and disadvantages of online learning; • listen to instructions on how to prepare for a blended learning class for specific information;	**4.4NC1a:** Nhận thức tác động của việc sử dụng công nghệ số đối với tuyên truyền bảo vệ môi trường.
72		Language	1 tiết			**5.3NC1a:** Sử dụng từ điển số chuyên ngành sinh học.
73		Reading	1 tiết	25		**1.1NC1b:** Tìm kiếm tin tức bảo tồn trên báo điện tử.
74		Speaking	1 tiết			**2.3NC1a:** Đề xuất các dịch vụ số/chiến dịch online để tham gia bảo tồn.
75		Listening	1 tiết			**1.3NC1a:** Lưu trữ thông tin về các loài nguy cấp.
76		Writing	1 tiết	26		**3.1NC1a:** Soạn thảo báo cáo giải pháp trên máy tính.

77		Communication and Culture/CLIL	1 tiết		• write about the benefits of blended learning; • give instructions; • learn about modern schools; • do a survey to find out how students use electronic devices to learn and report 79survey results in a group presentation.	**1.1NC1c:** Chỉ cho người khác cách truy cập dữ liệu Sách Đỏ (IUCN) online.
78		Looking back & Project	1 tiết			**3.1NC1b:** Thiết kế Poster điện tử về loài nguy cấp. **3.3NC1a:** Áp dụng quy định bản quyền hình ảnh động vật.
79	**REVIEW 3**	Language	1 tiết	27	Review 3 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 6 – 8. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	**5.4NC1a:** Xác định NLS cần cải thiện sau chuỗi bài về công nghệ và truyền thông.
80		Skills	1 tiết			**1.3NC1b:** Hệ thống hóa kiến thức ôn tập.
81	**REVIEW & MID-TERM TEST**		2 tiết		Knowledge: • To revise the language and skills Ss have learnt in Units 6-8 • To evaluate the knowledge students have achieved in unit 6, 7, 8. Skills: • Improve students' skills of using language through the test.	**3.1NC1b:** Thể hiện bản thân qua bài viết/nói tổng hợp.
82				28		**4.2NC1a:** Bảo vệ dữ liệu và liêm chính học thuật trong kiểm tra.
83	**Feedback and correction**		1 tiết		Knowledge: • To correct the mistakes and errors students have made in the test. Skills: • Improve students' skills of using language.	**5.4NC1c:** Đề xuất các cơ hội khác nhau để phát triển bản thân (sau khi biết kết quả).
84	**UNIT 9** **CAREER PATHS**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • use sentence stress appropriately to	**5.2NC1a:** Đánh giá nhu cầu bản thân và xác định giải pháp công nghệ hỗ trợ chọn nghề.

85		Language	1 tiết	29	speak with a natural rhythm; • understand and use words and phrases related to the environment and ways to protect it; • use reported speech. • read for main ideas and specific information in a text about environmental problems; • talk about environmental solutions; • listen for specific information in a conversation about ways to protect endangered animals; • write about a wildlife organisation; • make and respond to apologies; • learn about Earth Hour; • do research on a local or an international environmental organisation and give a group presentation about it.	**5.3NC1a:** Tra cứu thông tin hướng nghiệp online.
86		Reading	1 tiết			**1.2NC1b:** Đánh giá thông tin tư vấn nghề nghiệp trên mạng.
87		Speaking	1 tiết			**2.1NC1a:** Tương tác thảo luận nghề nghiệp.
88		Listening	1 tiết	30		**1.1NC1a:** Xác định nhu cầu thông tin về nghề nghiệp cụ thể.
89		Writing	1 tiết			**2.6NC1b:** Tạo và quản lý danh tính số chuyên nghiệp thông qua viết CV.
90		Communication and Culture/CLIL	1 tiết			**1.1NC1d:** Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm xu hướng nghề nghiệp tương lai.
91		Looking back & Project	1 tiết	31		**2.6NC1c:** Sử dụng dữ liệu khảo sát tạo ra thông qua công cụ (Google Form) để báo cáo.
92	**UNIT 10** **LIFELONG LEARNING**	Getting started	1 tiết		By the end of this unit, students will be able to: • identify intonation patterns and use appropriate intonation (i.e. rising or falling tone); • understand and use words and phrases related to ecotourism; • use conditional sentences Type 1 and Type 2 correctly; • read for specific information in a brochure about ecotours;	**5.2NC1c:** Sử dụng cách thức khác nhau để điều chỉnh môi trường học tập số cá nhân (Lifelong learning).
93		Language	1 tiết			**5.3NC1a:** Ứng dụng các nền tảng học tập trực tuyến (MOOCs, Coursera...).
94		Reading	1 tiết	32		**1.2NC1a:** Đánh giá thông tin từ bài đọc.
95		Speaking	1 tiết			**2.2NC1b:** Hướng dẫn người khác

					• talk about how to become an ecotourist; • listen for specific information in a tour guide speech welcoming ecotourists in the Mekong Delta; • write a website advertisement for an ecotour; • ask for and give advice; • understand the differences between types of tourism and their impact on the environment; • design an ecotour to a local attraction and give a group presentation about it.	tìm kiếm tấm gương học tập trên mạng.
96		Listening	1 tiết			**1.1NC1b:** Lọc dữ liệu về thách thức học tập.
97		Writing	1 tiết	33		**3.2NC1a:** Sửa đổi, tinh chỉnh và tích hợp thông tin để viết bài báo online.
98		Communication and Culture/CLIL	1 tiết			**2.5NC1c:** Áp dụng khía cạnh đa dạng thế hệ trong học tập số.
99		Looking back & Project	1 tiết			**3.1NC1b:** Tạo tờ rơi số (Leaflet) về thói quen học tập. **5.3NC1b:** Sáng tạo nội dung khuyến khích học tập.
100	**REVIEW 4**	Language	1 tiết	34	Review 4 is aimed at revising the language and skills Ss have learnt in Units 9-10. Introduce the review by asking Ss if they remember what they have learnt so far in terms of language and skills. Summarise Ss' answers and add some more information if necessary.	**5.4NC1a:** Tổng kết và đánh giá NLS cá nhân cuối cấp.
101		Skills (1)	1 tiết			**1.3NC1b:** Tổ chức dữ liệu ôn tập tổng hợp.
102		Skills (2)	1 tiết			**3.1NC1b:** Hoàn thiện kỹ năng tạo lập văn bản số.
103	**END-TERM TEST**		2 tiết	35	Knowledge: • To revise the language and skills Ss have learnt in Units 6-10. • To evaluate the knowledge students have achieved in unit 6, 7, 8, 9, 10. Skills: • Improve students' skills of using language through the test.	**5.4NC1c:** Đề xuất cơ hội phát triển bản thân/học tập suốt đời sau khi ra trường.
104						**4.2NC1b:** Tuân thủ quy tắc bảo mật và liêm chính trong thi cử.
105	**Feedback and correction**		1 tiết		Knowledge: • To correct the mistakes and errors	**5.4NC1b:** Minh họa cách sử dụng kết quả để cải thiện.

				students have made in the test. Skills: • Improve students' skills of using language.	

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
Không			

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	- Khối 10: 60 phút (viết 45 phút + nghe 15 phút)	Tuần 10	**- Khối 10:** + Nghe: Topics related to Units 1-2-3 + Stress in two -syllable words (in Units 1, 2 & 3) +Vocabulary: Word meaning,Collocation/ Preposition, Word form +Grammar:To-Infinitive/Bare-Infinitive/ Present simple/ Present continuous, Will/ Be going to/ coordinating conjunction (**and, or, but, so, yet, for**) + Cloze Text + Reading comprehension: Unit 1,2,3 + Error identification	Bài thi: Viết, nghe Hình thức: Trắc nghiệm + Tự luận

	- Khối 11: 60 phút (viết 45 phút+ nghe 15 phút) - Khối 12: 60 phút (viết 45 phút+ nghe 15 phút)	Tuần 10 Tuần 10	+ Sentence transformation **- Khối 11** + Nghe một đoạn hội thoại khoảng 1-1.5 phút thuộc các chủ đề liên quan bài 1- 3 và trả lời câu hỏi True/false + Phonology *- Cách phát âm các âm unit 1,2,3* *- Trọng âm của những từ có hai âm tiết* *- Trọng âm của những từ có ba âm tiết* + Grammar: *Thì của động từ, câu điều kiện* + Vocabulary: Unit 1,2,3 + Cloze test: Unit 1,2,3 + Reading comprehension: Unit 1,2,3 + Error identification + Sentence transformation **- Khối 12:** + Nghe một đoạn hội thoại khoảng 1-1.5 phút thuộc các chủ đề liên quan bài 1- 3 và trả lời câu hỏi True/false + Phonology *- Cách phát âm các âm unit 1,2,3* *- Trọng âm của những từ có hai âm tiết* *- Trọng âm của những từ có ba âm tiết* + Grammar: *Thì của động từ, câu bị động, câu gián tiếp* + Vocabulary: Unit 1,2,3 + Cloze test: Unit 1,2,3 + Reading comprehension: Unit 1,2,3 + Error identification + Sentence transformation	
Cuối Học kỳ 1	- Khối 10: 90 phút	Tuần 18	**- Khối 10** + Nghe một đoạn hội thoại khoảng 1-1.5 phút thuộc các chủ đề liên quan bài 1- 5 và trả lời	Bài thi: Viết, nghe, nói Hình thức: Trắc nghiệm + Tự luận

	- Khối 11: 90 phút	Tuần 18 Tuần 18	câu hỏi True/false + Phonology *- Cách phát âm của những âm đã học từ unit 1-5* *- Trọng âm của những từ có hai âm tiết* *- Trọng âm của những từ có ba âm tiết* + Grammar: Thì của động từ , câu so sánh, bị động với modal, tường thuật, mệnh đề quan hệ + Vocabulary: Unit 1-5 + Cloze test: Unit 1-5 + Reading comprehension: Unit 1-5 + Error identification + Sentence transformation **Theme speaking** Nói theo các chủ đề đã học **- Khối 11** + Nghe một đoạn hội thoại khoảng 1-1.5 phút thuộc các chủ đề liên quan bài 1- 5 và trả lời câu hỏi True/false + Phonology *- Cách phát âm của những âm đã học từ unit 1-5* *- Trọng âm của những từ có hai âm tiết* *- Trọng âm của những từ có ba âm tiết* + Grammar: Thì của động từ , câu điều kiện, câu gián tiếp + Vocabulary: Unit 1-5 + Cloze test: Unit 1-5 + Reading comprehension: Unit 1-5 + Error identification + Sentence transformation **Theme speaking** Nói theo các chủ đề đã học **- Khối 12**	

	- Khối 12; 90 phút		+ Nghe một đoạn hội thoại khoảng 1-1.5 phút thuộc các chủ đề liên quan bài 1- 5 và trả lời câu hỏi True/false + Phonology - *Cách phát âm của những âm đã học từ unit 1-5* - *Trọng âm của những từ có hai âm tiết* - *Trọng âm của những từ có ba âm tiết* + Grammar: Thì của động từ , câu bị động, câu gián tiếp (dạng statements), câu gián tiếp (dùng to V/ V-ing),mệnh đề quan hệ, mệnh đề quan hệ rút gọn + Vocabulary: Unit 1-5 + Cloze test: Unit 1-5 + Reading comprehension: Unit 1-5 + Error identification + Sentence transformation **Theme speaking** Nói theo các chủ đề đã học	
Giữa Học kỳ 2	- Khối 10: 60 phút	Tuần 27,28	**- Khối 10** + Nghe một đoạn hội thoại khoảng 1-1.5 phút thuộc các chủ đề liên quan bài 6- 8 và trả lời câu hỏi True/false + Phonology - *Cách phát âm các âm thuộc các bài 6-8* - *Trọng âm của những từ có hai âm tiết* - *Trọng âm của những từ có ba âm tiết* + Grammar: Thì của động từ, bị động của động từ khiếm khuyết, câu so sánh, mệnh đề quan hệ + Vocabulary: Unit 6-8 + Cloze test: Unit 6-8 + Reading comprehension: Unit 6-8 + Error identification	Bài thi: Viết, nghe Hình thức: Trắc nghiệm + Tự luận

	- Khối 11: 60 phút - Khối 12: 60 phút	Tuần 27,28 Tuần 27,28	+ Sentence transformation **- Khối 11** + Nghe một đoạn hội thoại khoảng 1-1.5 phút thuộc các chủ đề liên quan bài 6- 8 và trả lời câu hỏi True/false + Phonology *- Cách phát âm các âm thuộc các bài 6-8* *- Trọng âm của những từ có hai âm tiết* *- Trọng âm của những từ có ba âm tiết* + Grammar: Thì của động từ, mệnh đề quan hệ + Vocabulary: Unit 6-8 + Cloze test: Unit 6-8 + Reading comprehension: Unit 6-8 + Error identification + Sentence transformation **- Khối 12** + Nghe một đoạn hội thoại khoảng 1-1.5 phút thuộc các chủ đề liên quan bài 6- 8 và trả lời câu hỏi True/false + Phonology *- Cách phát âm các âm thuộc các bài 6-8* *- Trọng âm của những từ có hai âm tiết* *- Trọng âm của những từ có ba âm tiết* + Grammar: Thì của động từ , câu bị động, câu gián tiếp (dạng statements), câu gián tiếp (dùng to V/ V-ing),mệnh đề quan hệ, mệnh đề quan hệ rút gọn, modal verbs + Vocabulary: Unit 6-8 + Cloze test: Unit 6-8 + Reading comprehension: Unit 6-8 + Error identification + Sentence transformation	
Cuối Học kỳ 2	Khối 10: 90	Tuần 35	**- Khối 10**	Bài thi: Viết, nghe, nói

	phút Khối 11: 90 phút	Tuần 35	+ Nghe một đoạn hội thoại khoảng 1-1.5 phút thuộc các chủ đề liên quan bài 6- 10 và trả lời câu hỏi True/false + Phonology *- Cách phát âm của những âm đã học từ unit 6-10* *- Trọng âm của những từ có hai âm tiết* *- Trọng âm của những từ có ba âm tiết* + Grammar: Các chủ điểm học trong bài 9,10 + Vocabulary: Unit 6-10 + Cloze test: Unit 6-10 + Reading comprehension: Unit 6-10 + Error identification + Sentence transformation **Theme speaking** Nói theo các chủ đề đã học **- Khối 11** + Nghe một đoạn hội thoại khoảng 1-1.5 phút thuộc các chủ đề liên quan bài 6- 10 và trả lời câu hỏi True/false + Phonology *- Cách phát âm của những âm đã học từ unit 6-10* *- Trọng âm của những từ có hai âm tiết* *- Trọng âm của những từ có ba âm tiết* + Grammar: Thì của động từ , mệnh đề quan hệ, câu chẻ, câu hỏi đuôi, câu bị động đặt biệt + Vocabulary: Unit 6-10 + Cloze test: Unit 6-10 + Reading comprehension: Unit 6-10 + Error identification + Sentence transformation **Theme speaking** Nói theo các chủ đề đã học	Hình thức: Trắc nghiệm + Tự luận

	Khối 12; 90 phút	Tuần 35	**- Khối 12** + Nghe một đoạn hội thoại khoảng 1-1.5 phút thuộc các chủ đề liên quan bài 6- 10 và trả lời câu hỏi True/false + Phonology *- Cách phát âm của những âm đã học từ unit 6-10* *- Trọng âm của những từ có hai âm tiết* *- Trọng âm của những từ có ba âm tiết* + Grammar: Thì của động từ , câu so sánh, động từ có 2 từ, mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian + Vocabulary: Unit 6-10 + Cloze test: Unit 6-10 + Reading comprehension: Unit 6-10 + Error identification + Sentence transformation **Theme speaking** Nói theo các chủ đề đã học	

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).

(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

III. Các nội dung khác (nếu có):

- Bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi Tiếng Anh : Không
- Phụ đạo học sinh yếu (nếu có): Theo KH của trường
- Tham gia sinh hoạt chuyên đề, nghiên cứu bài học: 4 chuyên đề
- Tham gia tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch của Sở Giáo dục & đào tạo tỉnh Tây Ninh.
- Ôn tập TN cho HS K12 theo kế hoạch.

TỔ TRƯỞNG



Phạm Thị Thanh Giang

Cần Đước, ngày 15 tháng 9 năm 2026
HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)